ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC – VACT 2026

ĐỀ THAM KHẢO – SỐ 4 – PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

(FILE ĐỀ BÀI)

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI THI

Đề thi ĐGNL ĐHQG-HCM được thực hiện bằng hình thức thi trực tiếp, trên giấy. Thời gian làm bài 150 phút. Đề thi gồm 120 câu hỏi trắc nghiệm khách quan 04 lựa chọn. Trong đó:

+ Phần 1: Sử dụng ngôn ngữ:

➢ Tiếng Việt: 30 câu hỏi;

➢ Tiếng Anh: 30 câu hỏi.

+ Phần 2: Toán học: 30 câu hỏi.

+ Phần 3: Tư duy khoa học:

➢ Logic, phân tích số liệu: 12 câu hỏi;

➢ Suy luận khoa học: 18 câu hỏi.

Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan có 04 lựa chọn (A, B, C, D). Thí sinh lựa chọn 01 phương án đúng duy nhất cho mỗi câu hỏi trong đề thi.

CẤU TRÚC ĐỀ THI

Nội dung	Số câu	Thứ tự câu
Phần 3: Tư duy khoa học	**30**	**91 – 120**
3.1. LOGIC, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU	**12**	**91-102**

PHẦN 3: TƯ DUY KHOA HỌC

3.1. LOGIC, PHÂN TÍCH SỐ LIỆU

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 91 đến 94

Tại vòng chung kết một cuộc thi bơi lội, có 8 vận động viên tham gia là L, M, N, O, P, Q, R, S và đã về đích. Thứ hạng của mỗi vận động viên được xếp từ cao đến thấp (hạng một đến hạng tám), dựa trên thành tích đã đạt được. Dưới đây là thông tin xếp hạng:

- P xếp trên so với L và Q.
- M và R xếp trên so với S.
- N xếp trên so với P nhưng xếp dưới R.
- S xếp trên so với O và L.

Trả lời cho các câu 91, 92, 93, 94 dưới đây:

Câu 91 : Danh sách vận động viên xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp nào dưới đây là có thể chấp nhận được

A. M, N, R, S, P, Q, L, O.
C. R, N, M, Q, P, S, O, L.
B. M, O, R, S, N, P, L, Q.
D. M, R, S, N, O, P, Q, L.

Câu 92 : Vận động viên nào không thể xếp hạng 3 trong số các vận động viên dưới đây?

A. M. **B.** N. **C.** O. **D.** P.

Câu 93 : Nếu O xếp hạng 4 thì điều nào sau đây luôn đúng?

A. M xếp hạng 2.
C. P xếp hạng 6.
B. L xếp hạng 5.
D. Q xếp hạng 7.

Câu 94 : Nếu P xếp hạng cao hơn so với S thì điều nào dưới đây có thể đúng?

A. R xếp hạng 3. **B.** S xếp hạng 4. **C.** P xếp hạng 5. **D.** Q xếp hạng 6.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 95 đến 98

Một nhóm gồm 6 người là X, Y, Z, T, R, V sử dụng 2 chiếc xe ô tô cá nhân để đi du lịch. Họ quyết định tự lái xe (không thuê tài xế). Trên mỗi xe có ít nhất 2 người ngồi. Dưới đây là một số thông tin về chuyến đi của họ:

- T và R không ngồi chung xe.
- Y không ngồi xe thứ nhất và cũng không biết lái xe.
- Nếu X ngồi xe thứ nhất thì T hoặc V sẽ là tài xế chở X.
- Trong 2 người là Y và Z, có ít nhất một người phải ngồi chung xe với R.

Trả lời cho các câu 95, 96, 97, 98 dưới đây:

Câu 95 : Nếu xe thứ hai có đúng 3 người ngồi thì 3 người đó có thể là

A. Y, T, V.
C. X, Y, R.
B. Y, Z, T.
D. X, Y, V.

Câu 96 : Nếu R là tài xế xe thứ nhất thì điều nào sau đây có thể đúng?

A. X và R ngồi chung xe.
C. Z lái xe.
B. X và T không ngồi chung xe.
D. V không lái xe.

Câu 97 : Nếu xe thứ nhất có đúng 4 người ngồi thì điều nào sau đây có thể đúng?

A. X lái xe.
C. R là tài xế xe thứ nhất.
B. Z lái xe.
D. T là tài xế xe thứ hai.

Câu 98 : Nếu T và V không lái xe thì điều nào sau đây không thể xảy ra?

A. R ngồi xe thứ nhất.
C. V ngồi xe thứ nhất.
B. Z ngồi xe thứ hai.
D. X ngồi xe thứ hai.

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 99 đến 102

Bảng số liệu dưới đây biểu thị khối lượng, đơn giá và đơn giá trung bình của một số loại thực phẩm mà siêu thị mini nọ bán được trong 3 ngày liên tiếp: ngày thứ nhất, ngày thứ hai và ngày thứ ba.

Loại thực phẩm	Ngày thứ nhất		Ngày thứ hai		Ngày thứ ba		Giá bán trung bình (đồng/kg)
	Khối lượng (kg)	Giá bán (đồng/kg)	Khối lượng (kg)	Giá bán (đồng/kg)	Khối lượng (kg)	Giá bán (đồng/kg)	
Thịt heo	20	120.000		110.000	10	105.000	112.500
Thịt bò	10	225.000	15	220.000		200.000	211.000
Thịt gà	5	38.000		30.000		35.000	33.000
Cá hồi	5	80.000	20	60.000		70.000	
Tôm sú		210.000	3	220.000	2	240.000	219.000
Mực sữa		140.000	4		2	180.000	152.000

Biết trong 3 ngày này:

- Tổng khối lượng thịt heo bán được gấp đôi tổng khối lượng cá hồi bán được.
- Tổng khối lượng thịt bò bán được nhiều hơn tổng khối lượng thịt gà bán được là 20 kg.
- Tổng khối lượng tôm sú bán được bằng tổng khối lượng mực sữa bán được.

Trả lời cho các câu 99, 100, 101, 102 dưới đây:

Câu 99 : Khối lượng thịt heo bán được trong ngày thứ hai là

A. 20 kg.
B. 24 kg.
C. 26 kg.
D. 30 kg.

Câu 100 : Giá bán trung bình của mỗi kilogam cá hồi là

A. 63 nghìn đồng.
C. 68 nghìn đồng.
B. 65 nghìn đồng.
D. 70 nghìn đồng.

Câu 101 : Chênh lệch khối lượng thịt gà bán được trong ngày thứ hai và ngày thứ ba là

A. 4 kg. **B.** 5 kg. **C.** 6 kg. **D.** 7 kg

Câu 102 : Giá bán mực sữa trong ngày thứ hai là

A. 140 nghìn đồng.

B. 160 nghìn đồng.

C. 155 nghìn đồng.

D. 150 nghìn đồng.